

DỰ THẢO – THUYẾT MINH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

(Kèm theo Tờ trình ngày 23/03/2021 – Nội dung 6: sửa đổi/ bổ sung Điều lệ Công ty)

1. Quy định chung và giải thích thuật ngữ

- Các điều không nêu chi tiết trong Phụ lục này là không thay đổi;
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân;
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng và/hoặc đặt trong ngoặc kép (“”);
- “Luật Doanh nghiệp 2014” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, và đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- “Luật Doanh nghiệp 2020” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 thay thế Luật Doanh nghiệp 2014;
- “Luật Chứng khoán 2019” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- “Nghị định 155/2020/NĐ-CP” là Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành 31/12/2020;
- “Thông tư 96/2020/TT-BTC” là Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành 16/11/2020;
- “Thông tư 116/2020/TT-BTC” là Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
1	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này được Công ty thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của ĐHĐCĐ tổ chức vào 12 tháng 06 năm 2018.	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này được Công ty thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của ĐHĐCĐ tổ chức vào 23 tháng 03 năm 2021 .	Theo thực tế ngày (dự kiến) Đại hội cổ đông và thông qua Điều lệ này.
2	Điều 1. Giải thích thuật ngữ Quy định hiện tại đang dẫn chiếu tới luật Doanh nghiệp 2014 đã hết hiệu lực, chưa cập nhật khái niệm “người liên quan” theo luật chứng khoán	Điều 1. Giải thích thuật ngữ Thay đổi số hiệu của Luật doanh nghiệp mới, bổ sung dẫn chiếu tới luật chứng khoán và khái niệm “người liên quan” theo quy định của cả 2 đạo luật có liên quan tới FPT	Thay đổi, điều chỉnh số hiệu điều luật và số hiệu của văn bản luật cho phù hợp với luật mới. Bổ sung thêm khái niệm “Luật Chứng khoán” được sử dụng trong toàn bộ Điều lệ.

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
3	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập... Khoản 5 Điều này hiện đang quy định “..Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu <u>trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</u>”	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập... Sửa khoản 5 Điều này thành: “..Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu <i>trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</i>”	Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2020: “Ngoài cổ phần phổ thông, công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây: a) Cổ phần ưu đãi cổ tức; b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại; c) Cổ phần ưu đãi biểu quyết; d) Cổ phần ưu đãi khác theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật về chứng khoán.” Theo Khoản 6 Điều 36 Luật Chứng khoán, công ty đại chúng sau khi mua lại cổ phiếu của người lao động phải làm thủ tục hủy cổ phiếu quỹ và giảm vốn điều lệ, chứ không được phân phối lại cổ phần đó cho người khác. --- Theo khoản 5 Điều 6 của Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
4	Điều 11. Quyền của cổ đông ... Các nội dung quy định về “Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nhân viên” không còn phù hợp nữa, như đã nêu tại mục 3 Phụ lục này, FPT không còn “cổ phiếu ưu đãi nhân viên” Ngoài ra các quy định của pháp luật về việc Công ty mua lại cổ phần đã thay đổi. ---	Điều 11. Quyền của cổ đông ... Sửa đổi toàn bộ các nội dung không còn phù hợp thành “Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông cho nhân viên” Ngoài ra, sửa đổi quy định tương ứng về việc Công ty mua lại cổ phần theo các quy định mới của pháp luật --- Bổ sung/ghi rõ một số	Theo Khoản 6 Điều 36 Luật Chứng khoán. Theo khoản 2 và khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020. --- Theo khoản 1 Điều 44 Luật Chứng khoán; khoản 1 Điều 12 của Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
		quyền của cổ đông: <i>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</i> <i>k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</i> <i>l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</i>	
5	Điều 12 Nghĩa vụ của cổ đông Hiện tại đang liệt kê theo quy định của Luật cũ.	Điều 12 Nghĩa vụ của cổ đông Bổ sung và sắp xếp lại điều này: <i>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông</i>	Luật Doanh nghiệp 2020 bổ sung thêm nghĩa vụ của cổ đông phổ thông (Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020): <i>"Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác."</i>

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<i>đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</i> ... <i>4. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</i> ... <i>6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành</i> ... <i>8. Bảo mật tất cả các thông tin liên quan đến Công ty và/hoặc các thông tin được Công ty cung cấp (trừ những thông tin đã được Công ty chính thức công bố hoặc cho phép công bố hay những thông tin đã được đại chúng biết qua con đường chính thức, hoặc trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa Công ty và cổ đông); chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin liên quan đến Công ty và/hoặc thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i>	Ngoài ra, các khoản 2,4,6 được bổ sung như đề xuất là bám sát theo nội dung Điều 13 của Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
6	Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông 1. ... Đại hội đồng	Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông 1. ... Đại hội đồng	Khoản 2 Điều 139 Luật doanh nghiệp 2020 đã quy

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. --- 2. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.	Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i> --- 2. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm. <i>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu. Ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty - dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</i>	định mới như sau: “Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính” thay vì phải xin Cơ quan đăng ký kinh doanh quy định như trước đây. --- Sửa đổi nội dung của khoản 2 Điều 13 của Điều lệ tương ứng theo Khoản 2 Điều 14 của Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/NĐ-CP
7	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông Điểm m, Khoản 2 Điều này hiện tại chỉ đang	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông Sửa điểm m, Khoản 2 Điều này, bổ sung phạm vi các giao dịch	Theo Luật Doanh nghiệp 2020, việc chấp thuận họp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan được quy định ở Điều 167.

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	quy định điều chỉnh đối với mỗi giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty	<i>dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên <u>trừ trường hợp giao dịch, hợp đồng giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết</u> tổng giá trị tài sản của Công ty</i> Mở thêm một điểm (o) thuộc Khoản 2 Điều này đối với các giao dịch <i>vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</i> Điều chỉnh dẫn chiếu tới Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020	Bổ sung thêm nội dung "...hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất" (theo Điểm b Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán) Khoản 3, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 bổ sung quy định ĐHĐCĐ có quyền phê duyệt "Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó".
8	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông Điểm c, Điểm f của Khoản 2 điều này đang quy định về số lượng và thù lao của Hội đồng quản trị	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông Bổ sung vào điểm c, điểm f của Khoản 2 Điều này bên cạnh Hội đồng quản trị là <i>Ban kiểm soát.</i> --- Bổ sung thêm một số quyền và nhiệm vụ mới: <i>p. Phê duyệt Quy chế</i>	Theo Điều 15 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<i>quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i> <i>q. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</i>	
9	Điều 15. Các đại diện được ủy quyền ... 2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: ...	Điều 15. Các đại diện được ủy quyền ... 2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây: ...	Khoản 3 Điều 143 và Khoản 2 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020.
10	Điều 16. Thay đổi các quyền Nội dung hiện tại của Khoản 1 Điều này: “1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông <u>nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</u> ”	Điều 16. Thay đổi các quyền Sửa khoản 1 thành: “1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông <i>đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần</i> ”	Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp Khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<i>ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản."</i>	
11	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông 2. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông: a. Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông <u>chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng Cổ đông nhưng không sớm hơn bốn mươi lăm (45) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông;</u>	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông 2. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông: <i>a. Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông;</i>	Theo Khoản 1 Điều 141 Luật DN 2020.
11	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông ... 3. <u>Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết</u>	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông ... 3. <i>Tối thiểu hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà</i>	Theo Khoản 3a Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC. --- Theo Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020.

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<u>hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</u>...Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: ... c. Phiếu biểu quyết; <u>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</u> e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. --- Khoản 4 Điều này hiện tại đang quy định “ ... ba (03) ngày làm việc ...” trước ngày khai mạc để cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có văn bản đề xuất thêm nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông	<i>nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông.</i> Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông <i>phải được gửi đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc.</i> ...Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: ... c. Phiếu biểu quyết; d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. --- Sửa nội dung Khoản 4 Điều này từ 03 ngày làm việc thành “ ... bảy (07) ngày ...” --- Bỏ nội dung “trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng” tại điểm b Khoản 5 Điều này	--- Khoản 3 Điều 143 và Khoản 2 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020 bỏ quy định việc ủy quyền phải lập theo mẫu do Công ty phát hành. --- Việc điều chỉnh khoản 4 từ “ba (03) ngày làm việc” thành “bảy (07) ngày” vì: thời gian 03 ngày theo như nội dung quy định cũ gây khó khăn cho trường hợp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trong trường hợp phải thay đổi, bổ sung nội dung chương trình Đại hội. --- Luật mới đã bỏ quy định về việc cổ đông/nhóm cổ đông cần sở hữu cổ phiếu “trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng”, do vậy Điều lệ cần sửa tương ứng

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
12	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông 1. Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. 	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông 1. Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.	Quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều kiện được điều chỉnh tương ứng giảm từ “ít nhất 51%” (luật cũ) còn “trên 50%” (luật mới).
13	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông ... Tiêu đề và Khoản 2 Điều này đều đang sử dụng thuật ngữ “Quyết định” của Đại hội đồng Cổ đông --- Điểm a Khoản 2 Điều này vẫn đang đề tỉ lệ ít nhất 51% trở lên tổng số phiếu bầu ...	Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ... Thay thế thuật ngữ “Quyết định” thành Nghị quyết để đảm bảo nhất quán và phù hợp với quy định của luật. Bổ sung quy định: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. --- Sửa thành tỉ lệ trên 50%.	Sửa “Quyết định” thành “Nghị quyết” cho phù hợp với quy định. Bổ sung quy định về Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có nội dung làm thay đổi bất lợi của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi - Theo Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020. --- Theo Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và bám sát Điều 21 của Điều lệ mẫu
14	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	(i) tương tự như mục 13 của phụ lục này, sửa “Quyết định” thành “Nghị quyết”

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	để thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng Cổ đông Khoản 6 của điều này hiện tại đang quy định: 6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn <u>hai mươi tư (24) giờ</u> ... 8. .. đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần ..	để thông qua <i>nghị quyết</i> của Đại hội đồng Cổ đông Sửa nội dung Khoản 6: 6. Biên bản kiểm phiếu <i>hoặc nghị quyết</i> phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ ... --- Sửa nội dung Khoản 8: đại diện <i>trên 50%</i> tổng số cổ phần ..	cho phù hợp với quy định (ii) Theo Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 7 và Điểm c Khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì tài liệu cần được công bố được bổ sung thêm “hoặc nghị quyết” Ngoài ra hay thế từ “website” bằng “trang thông tin điện tử” --- Theo Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và bám sát Điều 22 của Điều lệ mẫu.
15	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông ... 2. Người chủ trì Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông. <u>Biên bản Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ</u> ---	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông ... 2. Người chủ trì Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông. <i>Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản phải được công bố trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ...</i>	Theo Khoản 3b Điều 10, Khoản 1c Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC. Mở rộng phạm vi tài liệu cần được công bố (nghị quyết, biên bản và tài liệu kèm theo) thay vì chỉ gồm biên bản như quy định cũ.
16	Điều 24. Thành phần, nhiệm kỳ, ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị Nội dung hiện tại của Khoản 1 điều này được giữ lại toàn bộ. Nội dung hiện tại của Khoản 2 điều này: “Tổng số thành viên	Điều 24. Thành phần, nhiệm kỳ, ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị Bổ sung vào khoản 1 Điều này nội dung: <i>“Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên</i>	Theo Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo Khoản 2 Điều 26 Điều lệ mẫu được ban hành theo

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<u>Hội đồng Quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.</u> Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không <u>điều hành/độc lập</u> được xác định theo phương thức làm tròn xuống” cần được điều chỉnh theo quy định mới	<i>tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc”.</i> <i>“2. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Công ty phải có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.”</i>	Thông tư 116/2020/TT-BTC. Theo Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
17	Điều 24. Thành phần, nhiệm kỳ, ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị 4. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị.	Điều 24. Thành phần, nhiệm kỳ, ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng Quản trị 4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị.	Theo khoản 2 và khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020. Bỏ phần nội dung quy định “trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng”
18	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Theo Khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	Khoản 2 hiện tại đang quy định: “2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo <u>cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</u> ”.	Sửa khoản 2 Điều này thành: “2. Thành viên Hội đồng Quản trị, <i>thành viên Ban Kiểm soát</i> , Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo <i>bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp theo quy định tại Điểm n Khoản 2 Điều 14 và Khoản 4 Điều 39 của Điều lệ này. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</i> ”	Bám sát Khoản 3 Điều 47 Điều lệ mẫu
19	Điều 36. Thành viên Ban Kiểm soát Khoản 1 điều này hiện đang quy định về tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014: “Trưởng Ban kiểm soát phải <u>là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và</u>	Điều 36. Thành viên Ban Kiểm soát Sửa Khoản 1 Điều này về tiêu chuẩn Trưởng ban kiểm soát: “Trưởng Ban kiểm soát phải <i>có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản</i>	Theo Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. --- Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Khoản 2 Điều 37 Điều lệ mẫu

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<u>phải làm việc chuyên trách tại Công ty</u> --- Khoản 1 Điều này hiện đang quy định các thành viên Ban Kiểm soát Công ty phải <u>là kế toán viên hoặc kiểm toán viên</u>.	<i>trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty</i> --- Sửa nội dung tiêu chuẩn thành viên BKS: Các thành viên Ban Kiểm soát phải <i>được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty</i>.	Bỏ tiêu chuẩn “phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên”
20	Điều 37. Ban Kiểm soát 1. Công ty phải có BKS và BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ ngày, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Điều 37. Ban Kiểm soát 1. Công ty phải có BKS và BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ ngày, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Khoản 1 Điều này được viết lại, liệt kê chi tiết (lập lại) các quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020 thay vì chỉ dẫn chiếu tới điều luật và liệt kê một số điểm chính (giống Điều lệ mẫu)
21	Điều 50. Con dấu 1. Hội đồng Quản trị quyết định về số lượng, hình thức và nội dung <u>con dấu</u> của Công ty. <u>Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp</u>. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý <u>con dấu</u> theo quy định của pháp luật hiện hành.	Điều 50. <i>Dấu của Công ty</i> <i>1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</i> 2. Hội đồng Quản trị quyết định <i>loại dấu</i>, số lượng, hình thức và nội dung <i>dấu</i> của Công ty, <i>chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty</i>. 3. Hội đồng Quản trị,	Theo Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020.

	Quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
		Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. <i>4. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy chế do Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.</i>	